TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:452/2019/QĐST - HNGĐ	*Quận 1, ngày 06 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 149; Điều 212; Điều 213; Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 433/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 08 năm 2019, về việc " Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Fa Hi M, địa chỉ: X đường Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Y M, địa chỉ: X đường Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Muhamad R, địa chỉ: 265/7/45 đường Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy, tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29 tháng 8 năm 2019, các đương sự đã thực sự thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề tài sản chung, nợ chung, lệ phí giải quyết việc dân sự.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Fa Hi M và ông Y M thuận tình ly hôn. (Giấy công nhận kết hôn số 29, quyển số 01/P17 do Ủy ban nhân dân Phường 17, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/4/1985).

(Trích lục cải chính hộ tịch số:164/TLCCHT của Ủy ban nhân dân Quận 1 cấp ngày 15/8/2019.

- Về con chung: có 03 con chung là Muhammad S, sinh năm 1986; Muhamad R, sinh năm 1987; Marie D, sinh năm 1990, đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Giao ông Y M quyền sử dụng đất, thửa đất số 318, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại xã Châu Phong, Thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CO 420470; số vào sổ cấp GCN:CS09280 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 02/8/2018).

- Về nợ: Ông Y M có nghĩa vụ thanh toán 100.000.000 (một trăm triệu) đồng cho ông Muhamad R, hạn cuối thanh toán đến hết ngày 29/8/2019.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Fa Hi M và ông Y M phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0005055 ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Bà Fa Hi M và ông Y M đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Cơ quan đăng ký kết hôn, (để ghi vào sổ hộ tịch theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Huynh